

Bản án số: 53/2021/HS-ST

Ngày: 14-9-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Phương

*- Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Ông Nguyễn Mạnh Thường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải -Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Hòa, ông Nguyễn Hữu Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 65/2021/TLST - HS ngày 17 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST - HS ngày 01 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

**Trần Quốc K** (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1996 tại tỉnh Hà Nam; Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn T, sinh năm 1964 và bà Trần Thị L, sinh năm 1967; Vợ: Đỗ Thị H, sinh năm 1996; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2020: Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 14/7/2015 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Đến ngày 15/10/2015 bị cáo chấp hành xong hình phạt, hiện đã được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/12/2020, tạm giam từ ngày 02/01/2021 đến ngày 22/3/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh cho đến nay (Có mặt).

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1986 - Trú tại: Tổ dân phố 21, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (Có mặt).

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1985 - Tổ dân phố 17, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (Có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Cuối tháng 6/2019, Trần Quốc K đến thuê nhà tại tổ dân phố số 21, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu để làm sơn, đồng thời cho người khác vay tiền với lãi suất cao, cụ thể như sau:

Vào ngày 01/7/2019, do cần tiền để giải quyết công việc nên ông Nguyễn Xuân T đến gặp Trần Quốc K đặt vấn đề vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 6.000đồng/1.000.000đồng/ngày, cứ 10 ngày ông T phải trả lãi cho K 01 lần với số tiền 1.200.000 đồng và để lại 01 thẻ viên chức để tín chấp. Sau khi thống nhất xong, K yêu cầu T viết giấy vay nợ theo mẫu in sẵn rồi đưa cho ông T số tiền 18.800.000 đồng, trừ luôn tiền lãi của 10 ngày đầu tiên là 1.200.000 đồng. Từ khi vay đến ngày 13/5/2020, ông T đã trả cho K 35.400.000 đồng tiền lãi, trong đó từ ngày 01/7/2019 đến hết tháng 3/2020 ông T thanh toán đầy đủ tiền lãi theo thỏa thuận cho K với tổng số tiền là 32.400.000 đồng (bằng hình thức trả tiền mặt và 06 lần chuyển tiền vào tài khoản 290520514... của Trần Quốc K mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện L, tỉnh Hà Nam mỗi lần 1.200.000 đồng). Đến ngày 13/5/2020, ông T chuyển vào tài khoản của K số tiền 23.000.000 đồng, trong đó 3.000.000 đồng trả lãi của tháng 4, 5/2020 sau khi được K đồng ý giảm, còn 20.000.000 đồng trả tiền gốc. Hiện tại ông T không còn nợ tiền K.

Như vậy, bị cáo K đã cho ông T vay số tiền 20.000.000 đồng trong thời gian 318 ngày (từ ngày 01/7/2019 đến ngày 13/5/2020) với lãi suất 203,16%/năm, gấp 10,15 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu được 35.400.000 đồng tiền lãi. Theo quy định của pháp luật thì lãi suất K được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm tương đương với số tiền 3.484.931 đồng, nên số tiền mà bị cáo K thu lợi bất chính khi cho T vay lãi nặng là: 35.400.000 đồng – 3.484.931 đồng = 31.915.069 đồng.

Cũng vào ngày 01/7/2019, do cần tiền để giải quyết công việc nên bà Nguyễn Thị T1 đến gặp Trần Quốc K đặt vấn đề vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 6.000 đồng/1.000.000đồng/ngày, cứ 10 ngày bà T1 phải trả lãi cho K 01 lần với số tiền 600.000 đồng và để lại 01 giấy phép lái xe, 01 sổ hộ khẩu để tín chấp. Sau khi thống nhất xong, K yêu cầu bà T1 viết giấy vay nợ theo mẫu in sẵn rồi đưa cho bà T1 số tiền 8.200.000 đồng, trừ luôn tiền lãi của 30 ngày đầu tiên là 1.800.000 đồng. Từ khi vay tiền đến ngày 25/8/2020, bà T1 đã thanh toán cho K 23.100.000 đồng tiền lãi, trong đó từ ngày 01/7/2019 đến hết tháng 6/2020, bà T1 thanh toán đầy đủ tiền lãi cho K theo thỏa thuận với tổng số tiền là 21.600.000 đồng (bằng hình thức trả tiền mặt và 21 lần chuyển tiền vào tài khoản của K). Đến ngày 11/8/2020, bà T1 trả cho K 1.500.000 đồng tiền lãi bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 780021502... mang tên Đào Thị T và ngày 25/8/2020 bà T1 tiếp tục chuyển khoản trả cho K 5.000.000 đồng tiền gốc vào số tài khoản mang tên Đào Thị T. Hiện bà T1 còn nợ K số tiền gốc là 5.000.000 đồng.

Như vậy, bị cáo K đã cho bà T1 vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 422 ngày (từ ngày 01/7/2019 đến ngày 25/8/2020) với lãi suất 199,79%/năm, gấp 9,98 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu được 23.100.000 đồng tiền lãi. Theo quy định của pháp luật thì lãi suất K được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm tương đương với số tiền 2.312.328 đồng, nên số tiền mà bị cáo K thu lợi bất chính khi cho bà T1 vay lãi nặng là: 23.100.000 đồng – 2.312.328 đồng = 20.787.672 đồng.

Toàn bộ số tiền gốc, lãi thu được của ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị T1 bị cáo K đã chi tiêu hết.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Quốc K đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

*Về các vấn đề khác của vụ án:*

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Quốc K khai nhận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen là của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân T, bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Thời gian, số tiền vay, số tiền lãi và số tiền gốc đã trả phù hợp với lời khai của bị cáo Trần Quốc K. Tại phiên tòa ông T, bà T1 đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với Đào Thị T là chủ tài khoản 780021502..., theo lời khai của T thì Ngô Thành Tr (chồng T) là người quản lý, sử dụng số tài khoản trên. Khi bà Nguyễn Thị T1 trả tiền lãi và tiền gốc cho K vào các ngày 11,25/8/2020 thì K bảo bà T1 chuyển tiền vào số tài khoản trên để K nhờ Tr thanh toán tiền thuê nhà cho K, K không nói cho Tr biết nguồn gốc số tiền trên do đâu mà có. Hiện Tr không có mặt tại địa phương nên cơ quan điều tra chưa đủ cơ sở để xác định Tr có liên quan trong vụ án này.

Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKS - P1 ngày 16/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố bị cáo Trần Quốc K về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Quốc K phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Quốc K từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam trước đó (từ ngày 24/12/2020 đến ngày 22/3/2021). Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục.

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự: Trả lại cho bị cáo Trần Quốc K: 01 điện thoại Iphone 7 plus màu đen và 01 căn cước công dân mang tên Trần Quốc K; Buộc bị cáo Trần Quốc K phải trả lại tiền thu lợi bất chính cho ông Nguyễn Xuân T là 31.915.069 đồng và trả lại

tiền thu lợi bất chính cho bà Nguyễn Thị T1 là 20.787.672 đồng; Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền gốc vay là 25.000.000 đồng của bị cáo Trần Quốc K (trong đó 20.000.000 đồng ông T đã trả cho K và 5.000.000 đồng bà T1 đã trả cho K) và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm khi cho ông T và bà T1 vay là 5.797.259 đồng; Truy thu sung quỹ Nhà nước của bà Nguyễn Thị T1 số tiền gốc vay 5.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định nêu trên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Vì mục đích tư lợi nên trong khoảng thời gian từ ngày 01/7/2019 đến ngày 25/8/2020 tại địa bàn huyện T, tỉnh Lai Châu, bị cáo Trần Quốc K đã liên tiếp cho ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị T1 vay tổng số tiền là 30.000.000 đồng với lãi suất từ 199,79%/năm đến 203,16%/năm, gấp 9,98 lần đến 10,15 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính tổng số tiền là 52.702.741 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được việc cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi cá nhân nên vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 14/7/2015 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Đến ngày 15/10/2015 bị cáo chấp hành xong hình phạt, hiện đã được xóa án tích. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra,

truy tố và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục cũng như công tác phòng ngừa chung trong xã hội.

Do đó quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai và đúng quy định của pháp luật.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”. Xét thấy, cần phạt tiền đối với bị cáo Trần Quốc K với mức phạt là 30.000.000 đồng. Áp dụng khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo vì bị cáo nghề nghiệp tự do nên thu nhập không ổn định.

[5] Về vật chứng của vụ án: 01 điện thoại Iphone 7 plus màu đen là của bị cáo Trần Quốc K không liên quan đến hành vi phạm tội; 01 căn cước công dân mang tên Trần Quốc K là giấy tờ tùy thân nên cần trả lại cho bị cáo K theo quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với số tiền bị cáo Trần Quốc K thu lợi bất chính là 52.702.741 đồng, trong đó: ông Nguyễn Xuân T là 31.915.069 đồng, bà Nguyễn Thị T1 là 20.787.672 đồng nên cần buộc bị cáo K phải trả lại số tiền trên cho ông T, bà T1 theo quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với số tiền gốc vay, hiện ông Nguyễn Xuân T đã trả cho bị cáo K là 20.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị T1 đã trả cho K là 5.000.000 đồng. Tổng cộng là 25.000.000 đồng. Số tiền trên là phương tiện phạm tội nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Trần Quốc K theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 5.797.259 đồng (3.484.931 đồng + 2.312.328 đồng = 5.797.259 đồng) là tiền phát sinh từ tội phạm nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền trên của bị cáo Trần Quốc K theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với số tiền gốc vay 5.000.000 đồng, hiện bà Nguyễn Thị T1 chưa trả cho bị cáo Trần Quốc K nên cần truy thu của bà T1 để sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

[6] Về án phí: Bị cáo Trần Quốc K phải chịu 200.000 đồng phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Tuyên bố bị cáo Trần Quốc K phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".**

### **2. Về hình phạt:**

Xử phạt bị cáo Trần Quốc K 18 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được trừ 89 ngày tạm giữ, tạm giam (quy đổi thành 267 ngày cải tạo không giam giữ), còn lại 09 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

### **3. Về vật chứng của vụ án:**

- Trả lại cho bị cáo Trần Quốc K: 01 điện thoại Iphone 7 plus màu đen và 01 căn cước công dân mang tên Trần Quốc K (Theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 15 giờ 05 phút ngày 18/8/2021 giữa Công an tỉnh Lai Châu và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu).

- Buộc bị cáo Trần Quốc K phải trả lại cho ông Nguyễn Xuân T 31.915.069 đồng (*Ba mươi một triệu chín trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi chín đồng*).

- Buộc bị cáo Trần Quốc K phải trả lại cho bà Nguyễn Thị T1 là 20.787.672 đồng (*Hai mươi triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi hai đồng*).

- Truy thu sung quỹ Nhà nước 30.797.259 đồng (*Ba mươi triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi chín đồng*) của bị cáo Trần Quốc K.

- Truy thu sung quỹ Nhà nước 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) của bà Nguyễn Thị T1.

### **4. Về hình phạt bổ sung:**

Phạt bị cáo Trần Quốc K 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

### **5. Về án phí:**

Bị cáo Trần Quốc K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an tỉnh Lai Châu;
- Cục THADS tỉnh Lai Châu;
- Bị cáo; Người có QL&NVLQ;
- UBND xã Hợp Lý;
- Lưu.

## **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Phương**